

Năm học :	Năm học: 2023-2024
Trường :	Trường TH Tân Hiệp

			Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3						Lớp 4					
	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số							
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
I. Kết quả học tập																										
1. Tiếng Việt	404	404	113	59	12	7		2	86	31	4	1			100	46	5	3		2	105	55	2	1		1
Hoàn thành tốt		208	61	34	1	1			41	18					46	28	2	1			60	34	1	1		
Hoàn thành		191	47	23	10	6		2	45	13	4	1			54	18	3	2		2	45	21	1			
Chưa hoàn thành		5	5	2	1																					
2. Toán	404	404	113	59	12	7		2	86	31	4	1			100	46	5	3		2	105	55	2	1		1
Hoàn thành tốt		216	67	37	1	1		1	41	17					48	27	2	1			60	34	1	1		
Hoàn thành		184	42	21	10	6		1	45	14	4	1			52	19	3	2		2	45	21	1			1
Chưa hoàn thành		4	4	1	1																					
3. Đạo đức	404	404	113	59	12	7		2	86	31	4	1			100	46	5	3		2	105	55	2	1		1
Hoàn thành tốt		232	70	40	1	1			42	18					48	28	2	1			72	43	1	1		
Hoàn thành		172	43	19	11	6		2	44	13	4	1			52	18	3	2		2	33	12	1			1
Chưa hoàn thành																										
4. Tự nhiên và Xã hội	299	299	113	59	12	7		2	86	31	4	1			100	46	5	3		2						
Hoàn thành tốt		155	65	35	1	1			42	18					48	27	2	1								
Hoàn thành		144	48	24	11	6		2	44	13	4	1			52	19	3	2		2						
Chưa hoàn thành																										
5. Khoa học	105	105																			105	55	2	1		1
Hoàn thành tốt		74																			74	42	1	1		
Hoàn thành		31																			31	13	1			1
Chưa hoàn thành																										
6. LS & ĐL	105	105																			105	55	2	1		1
Hoàn thành tốt		75																			75	43	1	1		
Hoàn thành		30																			30	12	1			1
Chưa hoàn thành																										
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	404	404	113	59	12	7		2	86	31	4	1			100	46	5	3		2						

12. TH-CN (Tin học)	205	205														100	46	5	3			2	105	55	2	1		1
Hoàn thành tốt		124														55	32	3	2				69	38	1	1		
Hoàn thành		81														45	14	2	1			2	36	17	1			1
Chưa hoàn thành																												
13. Ngoại ngữ	404	404	113	59	12	7		2	86	31	4	1				100	46	5	3			2	105	55	2	1		1
Hoàn thành tốt		210	61	34	1	1			43	18						44	25	3	1				62	35	1	1		
Hoàn thành		194	52	25	11	6		2	43	13	4	1				56	21	2	2			2	43	20	1			1
Chưa hoàn thành																												
14. Tiếng dân tộc																												
Hoàn thành tốt																												
Hoàn thành																												
Chưa hoàn thành																												
II. Năng lực cốt lõi																												
Năng lực chung																												
Tự chủ và tự học	404	404	113	59	12	7		2	86	31	4	1				100	46	5	3			2	105	55	2	1		1
Tốt		234	68	39	3	3			49	21						52	28	2	1				65	36	1	1		
Đạt		170	45	20	9	4		2	37	10	4	1				48	18	3	2			2	40	19	1			1
Cần cố gắng																												
Giao tiếp và hợp tác	404	404	113	59	12	7		2	86	31	4	1				100	46	5	3			2	105	55	2	1		1
Tốt		232	69	40	3	3			49	21						49	28	2	1				65	36	1	1		
Đạt		172	44	19	9	4		2	37	10	4	1				51	18	3	2			2	40	19	1			1
Cần cố gắng																												
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	404	404	113	59	12	7		2	86	31	4	1				100	46	5	3			2	105	55	2	1		1
Tốt		235	70	41	3	3			49	21						51	28	2	1				65	36	1	1		
Đạt		168	42	18	9	4		2	37	10	4	1				49	18	3	2			2	40	19	1			1
Cần cố gắng		1	1																									
Năng lực đặc thù																												
Ngôn ngữ	404	404	113	59	12	7		2	86	31	4	1				100	46	5	3			2	105	55	2	1		1
Tốt		231	64	37	2	2			49	21						53	29	3	2				65	37	1	1		
Đạt		169	45	21	9	5		2	37	10	4	1				47	17	2	1			2	40	18	1			1
Cần cố gắng		4	4	1	1																							
Tính toán	404	404	113	59	12	7		2	86	31	4	1				100	46	5	3			2	105	55	2	1		1
Tốt		231	68	39	2	2			49	21						49	28	2	1				65	37	1	1		
Đạt		169	41	19	9	5		2	37	10	4	1				51	18	3	2			2	40	18	1			1
Cần cố gắng		4	4	1	1																							
Tin học	205	205														100	46	5	3			2	105	55	2	1		1
Tốt		115														50	28	2	1				65	38	1	1		
Đạt		90														50	18	3	2			2	40	17	1			1
Cần cố gắng																												
Công nghệ	205	205														100	46	5	3			2	105	55	2	1		1
Tốt		115														48	27	2	1				67	39	1	1		
Đạt		90														52	19	3	2			2	38	16	1			1
Cần cố gắng																												
Khoa học	404	404	113	59	12	7		2	86	31	4	1				100	46	5	3			2	105	55	2	1		1
Tốt		235	70	41	3	3			49	21						49	27	2	1				67	39	1	1		
Đạt		169	43	18	9	4		2	37	10	4	1				51	19	3	2			2	38	16	1			1
Cần cố gắng																												
Thẩm mĩ	404	404	113	59	12	7		2	86	31	4	1				100	46	5	3			2	105	55	2	1		1
Tốt		233	74	45	4	4			49	21						49	28	2	1				61	34	1	1		
Đạt		171	39	14	8	3		2	37	10	4	1				51	18	3	2			2	44	21	1			1
Cần cố gắng																												
Thể chất	404	404	113	59	12	7		2	86	31	4	1				100	46	5	3			2	105	55	2	1		1
Tốt		237	71	42	3	3			52	21						53	30	3	2				61	34	1	1		
Đạt		167	42	17	9	4		2	34	10	4	1				47	16	2	1			2	44	21	1			1

[illegible]

3. Đạo đức	124	124	124	62	7	4		1
Hoàn thành tốt		92	92	51	5	2		
Hoàn thành		32	32	11	2	2		1
Chưa hoàn thành								
4. Khoa học	124	124	124	62	7	4		1
Hoàn thành tốt		83	83	44	5	2		
Hoàn thành		41	41	18	2	2		1
Chưa hoàn thành								
5. LS & DL	124	124	124	62	7	4		1
Hoàn thành tốt		81	81	42	4	1		
Hoàn thành		43	43	20	3	3		1
Chưa hoàn thành								
6. Âm nhạc	124	124	124	62	7	4		1
Hoàn thành tốt		63	63	36	2	1		
Hoàn thành		61	61	26	5	3		1
Chưa hoàn thành								
7. Mĩ thuật	124	124	124	62	7	4		1
Hoàn thành tốt		66	66	37	3	2		
Hoàn thành		58	58	25	4	2		1
Chưa hoàn thành								
8. Thủ công, Kĩ thuật	124	124	124	62	7	4		1
Hoàn thành tốt		87	87	45	5	2		
Hoàn thành		37	37	17	2	2		1
Chưa hoàn thành								
9. Thể dục	124	124	124	62	7	4		1
Hoàn thành tốt		70	70	36	3	2		
Hoàn thành		54	54	26	4	2		1
Chưa hoàn thành								
10. Ngoại ngữ	124	124	124	62	7	4		1
Hoàn thành tốt		63	63	35	3	2		
Hoàn thành		61	61	27	4	2		1
Chưa hoàn thành								
11. Tin học	124	124	124	62	7	4		1
Hoàn thành tốt		78	78	44	3	2		
Hoàn thành		46	46	18	4	2		1
Chưa hoàn thành								
12. Tiếng dân tộc								
Hoàn thành tốt								
Hoàn thành								
Chưa hoàn thành								
II. Năng lực								
Tự phục vụ tự quản	124	124	124	62	7	4		1
Tốt		102	102	51	7	4		
Đạt		22	22	11				1
Cần cố gắng								
Hợp tác	124	124	124	62	7	4		1
Tốt		111	111	58	7	4		
Đạt		13	13	4				1
Cần cố gắng								
Tự học và giải quyết vấn đề	124	124	124	62	7	4		1
Tốt		90	90	46	5	2		
Đạt		34	34	16	2	2		1
Cần cố gắng								
III. Phẩm chất								

Chăm học chăm làm	124	124	124	62	7	4		1
Tốt		101	101	52	7	4		
Đạt		23	23	10				1
Cần cố gắng								
Tự tin trách nhiệm	124	124	124	62	7	4		1
Tốt		104	104	56	6	3		
Đạt		20	20	6	1	1		1
Cần cố gắng								
Trung thực kỷ luật	124	124	124	62	7	4		1
Tốt		115	115	57	7	4		1
Đạt		9	9	5				
Cần cố gắng								
Đoàn kết yêu thương	124	124	124	62	7	4		1
Tốt		117	117	59	7	4		1
Đạt		7	7	3				
Cần cố gắng								
IV. Khen thưởng		42	42	24	1			
- Giấy khen cấp trường		42	42	24	1			
- Giấy khen cấp trên								
V. HSDT được trợ giảng								
VI. HS.K.Tật		1	1					1
VII. HS bỏ học kỳ II								
+ Hoàn cảnh GDKK								
+ KK trong học tập								
+ Xa trường, đi lại K.khăn								
+ Thiên tai, dịch bệnh								
+ Nguyên nhân khác								
VIII. Chương trình lớp học	124	124	124	62	7	4		1
Hoàn thành	124	124	124	62	7	4		1
Chưa hoàn thành□								

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lâm Thị Kim Oanh